

BIỂU SỐ 07/TSDH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2014

Đăng ký dự thi

Cao học Luật khóa 22 tại Thành phố Hồ Chí Minh



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ				TH	CN	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
							Nghe	Đ+V	Nói	Tổng					
1	S22.00001	Đặng Tuấn	Anh	12/02/77		TSTD	11.0	29.2	1.00	41.25	9.00	6.00	15.00	15.00	
2	S22.00002	Trần Thị Lan	Anh	23/12/79	Nữ	Trường Cao đẳng GTVT	11.0	34.2	2.00	47.25	5.50	7.00	12.50	12.50	
3	S22.00004	Phan Thanh Thảo	An	04/04/85	Nữ	UBND phường 9, quận 10	12.0	24.7	11.0	47.75	4.75	7.00	11.75	12.00	
4	S22.00008	Huỳnh Thị Hồng	Châu	27/01/83	Nữ	UBND xã Hưng Long, huyện Bình Chánh	9.00	20.0	11.0	40.00	6.50	6.50	13.00	13.00	
5	S22.00009	Nguyễn Minh	Châu	17/01/82		TSTD	12.0	20.7	11.0	43.75	6.25	7.50	13.75	14.00	
6	S22.00010	Trương Lệ	Châu	21/11/75	Nữ	CT TNHH tư vấn TMDV Hoa Ngọc Châu	11.0	35.7	10.0	56.75	6.25	6.50	12.75	13.00	
7	S22.00011	Nguyễn Quốc	Chinh	19/08/80		Văn phòng luật sư C&M&D	17.0	48.2	15.0	80.25	5.25	6.00	11.25	11.50	
8	S22.00012	Phùng Anh	Chuyên	27/02/76		TSTD	16.0	46.0	11.0	73.00	6.00	7.00	13.00	13.00	
9	S22.00013	Phạm Thị	Dung	12/02/90	Nữ	Viện công nghệ tự động hoá TPHCM	7.00	12.5	.	19.50	.	.	0.00	0.00	
10	S22.00014	Bùi Thành	Dũng	03/05/70		TSTD	10.0	20.0	15.0	45.00	5.75	5.50	11.25	11.50	
11	S22.00015	Nguyễn Vũ Trọng	Đan	17/02/77		TAND quận 2	12.0	34.2	13.0	59.25	7.75	7.00	14.75	15.00	
12	S22.00016	Nguyễn Quang	Đạo	24/11/70		Viện công nghệ tự động hoá TPHCM	11.0	35.7	7.00	53.75	5.25	6.50	11.75	12.00	
13	S22.00017	Mai Tấn	Đạt	11/10/70		UBND phường 2, quận 3	11.0	28.2	2.00	41.25	6.25	6.00	12.25	12.50	
14	S22.00018	Nguyễn Hữu	Đỉnh	02/05/81		Văn phòng UBND quận 12	9.00	29.5	15.0	53.50	6.75	6.50	13.25	13.50	
15	S22.00019	Võ Văn	Đức	20/07/68		Quận uỷ quận 3	11.0	25.7	5.00	41.75	6.75	4.00	10.75	11.00	
16	S22.00020	Bùi Thái	Giang	05/04/76		CT TNHH MTV đầu tư TMDV Bắc Nam	11.0	34.7	13.0	58.75	6.25	6.00	12.25	12.50	
17	S22.00022	Nguyễn Thanh	Hải	22/11/73		Trường Cán bộ TPHCM	6.00	38.5	10.0	54.50	4.50	7.00	11.50	11.50	
18	S22.00023	Phạm Thị Hồng	Hạnh	25/07/91	Nữ	TSTD	.	.	.	0.00	6.50	6.50	13.00	13.00	
19	S22.00024	Nguyễn Thị Thu	Hằng	03/01/77	Nữ	Chi cục thuế quận Tân Phú	7.00	20.5	12.0	39.50	6.25	7.00	13.25	13.50	
20	S22.00028	Nguyễn Hữu	Hoàn	15/05/68		Bảo hiểm xã hội TPHCM	.	.	.	0.00	7.25	4.00	11.25	11.50	
21	S22.00029	Nguyễn Trịnh	Hoàn	01/03/78		Ban Nội chính Trung ương	13.0	26.0	11.0	50.00	5.25	6.50	11.75	12.00	
22	S22.00030	Nguyễn Thanh	Hồng	05/08/58		Trường Cán bộ TPHCM	6.00	31.5	16.0	53.50	4.25	6.50	10.75	11.00	



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ				TH	CN	ĐTC0	ĐTC1	Ghi chú
							Nghe	Đ+V	Nói	Tổng					
23	S22.00031	Trần Thị	Huệ	20/10/84	Nữ	TSTD	11.0	21.5	10.0	42.50	4.25	7.00	11.25	11.50	
24	S22.00032	Lê Hồ Nhất	Huy	23/04/71		CT TNHH MTV công trình giao thông công	19.0	46.7	15.0	80.75	5.75	8.00	13.75	14.00	
25	S22.00033	Lữ Bình	Huy	20/11/64		CTCP chứng khoán Phương Nam	.	.	.	0.00	5.75	7.00	12.75	13.00	
26	S22.00035	Nguyễn Minh	Hùng	02/07/78		TAND tỉnh Hậu Giang	9.00	17.7	3.00	29.75	4.50	5.50	10.00	10.00	
27	S22.00036	Tống Văn	Hùng	15/11/76		Đội thanh tra địa bàn Thủ Đức	11.0	25.5	13.0	49.50	7.00	6.50	13.50	13.50	
28	S22.00037	Đào Quang	Hùng	25/07/81		UBND phường 9, quận 10	11.0	36.5	14.0	61.50	6.50	6.50	13.00	13.00	
29	S22.00041	Bùi Văn	Khanh	10/05/75		TSTD	7.00	15.5	10.0	32.50	3.25	5.00	8.25	8.50	
30	S22.00042	Dương Hồng	Khanh	04/10/86		TAND huyện Cần Giờ	11.0	27.7	10.0	48.75	3.75	6.00	9.75	10.00	
31	S22.00043	Trương Tấn	Kiệt	23/08/76		VP quận uỷ quận 2	13.0	40.0	11.0	64.00	4.00	7.00	11.00	11.00	
32	S22.00044	Nguyễn Thị Phương	Lan	10/04/82	Nữ	Trường Cán bộ TPHCM	13.0	37.0	16.0	66.00	4.25	7.00	11.25	11.50	
33	S22.00045	Phạm Thị	Lâm	06/07/77	Nữ	TSTD	6.00	24.7	3.00	33.75	5.25	7.00	12.25	12.50	
34	S22.00046	Bùi Thanh	Linh	31/08/82		Thanh tra Sở xây dựng TPHCM	11.0	27.7	14.0	52.75	4.25	7.50	11.75	12.00	
35	S22.00047	Nguyễn Thị Thanh	Loan	15/12/71	Nữ	Hội Liên hiệp phụ nữ quận 3	12.0	32.7	14.0	58.75	4.50	5.00	9.50	9.50	
36	S22.00048	Dương Danh	Long	06/05/74		TSTD	9.00	20.2	4.00	33.25	4.50	7.00	11.50	11.50	
37	S22.00049	Nguyễn Văn	Lộc	14/08/74		CT TNHH tư vấn TMDV Hoa Ngọc Châu	3.00	19.7	2.00	24.75	3.25	4.50	7.75	8.00	
38	S22.00050	Nguyễn Anh	Lợi	18/12/72		Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận 7	3.00	10.7	10.0	23.75	2.25	4.00	6.25	6.50	
39	S22.00051	Nguyễn Chung Phước	Lưu	09/09/90		TSTD	11.0	20.5	8.00	39.50	5.75	4.00	9.75	10.00	
40	S22.00052	Đào Đức	Minh	07/10/72		CTCP được trung ương Vidipha	5.00	26.2	12.0	43.25	4.50	7.00	11.50	11.50	
41	S22.00053	Nguyễn Công	Minh	23/04/78		Hội cựu chiến binh Việt Nam huyện Hóc	7.00	21.2	12.0	40.25	5.25	6.00	11.25	11.50	
42	S22.00054	Phạm Thanh	Minh	11/09/61		CT Luật TNHH Liên kết	7.00	24.0	14.0	45.00	3.75	6.50	10.25	10.50	
43	S22.00056	Phạm Hoài	Nam	11/01/69		TSTD	11.0	38.2	15.0	64.25	5.75	4.00	9.75	10.00	
44	S22.00057	Trịnh Minh	Ngà	27/06/82		UBND phường An Lạc A, quận Bình Tân	6.00	18.7	11.0	35.75	4.50	6.00	10.50	10.50	

Handwritten signature



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ				TH	CN	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
							Nghe	Đ+V	Nói	Tổng					
45	S22.00058	Bùi Hoàng	Nguyên	27/08/84		UBND phường 9, quận 10	7.00	26.5	13.0	46.50	5.00	5.50	10.50	10.50	
46	S22.00059	Phạm Thành	Nhân	10/04/83		Công an xã Bình Hưng	7.00	19.7	4.00	30.75	5.25	7.00	12.25	12.50	
47	S22.00060	Ngô Thị Quỳnh	Như	07/05/78	Nữ	TSTD	7.00	21.5	12.0	40.50	4.25	7.00	11.25	11.50	
48	S22.00061	Lâm Thanh	Nhứt	30/11/84		Đội thanh tra địa bàn huyện Hóc Môn	9.00	28.5	15.0	52.50	7.00	6.00	13.00	13.00	
49	S22.00062	Nguyễn Thị Kim	Oanh	06/03/75	Nữ	TSTD	11.0	43.5	.	54.50	.	.	0.00	0.00	
50	S22.00064	Lôi Đại	Phong	26/03/77		Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện	16.0	23.5	12.0	51.50	6.00	7.50	13.50	13.50	
51	S22.00065	Phan Thị Ngọc	Phú	31/12/75	Nữ	TAND quận 2	10.0	28.7	8.00	46.75	5.75	6.50	12.25	12.50	
52	S22.00066	Bùi Minh	Phương	26/10/78		Phòng Tư pháp quận Bình Tân	7.00	18.7	13.0	38.75	4.50	6.50	11.00	11.00	
53	S22.00067	Lê Văn Hồng	Phương	31/03/82		Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận	16.0	27.0	13.0	56.00	7.75	7.50	15.25	15.50	
54	S22.00068	Dương Thị Thu	Phượng	24/08/79	Nữ	TAND quận 2	10.0	27.7	8.00	45.75	4.75	7.00	11.75	12.00	
55	S22.00070	Đinh Hoàng	Quân	03/01/70		CT TNHH SX và TM Phi Đạt	7.00	18.0	11.0	36.00	6.00	7.50	13.50	13.50	
56	S22.00071	Trần Nguyễn Đan	Quỳnh	23/11/78	Nữ	TSTD	12.0	31.2	7.00	50.25	6.25	7.00	13.25	13.50	
57	S22.00074	Phạm Chí	Tâm	08/06/76		Liên đoàn lao động huyện Nhà Bè	7.00	26.7	15.0	48.75	5.50	8.00	13.50	13.50	
58	S22.00075	Trần Đình	Tăng	28/11/83		Công an TPHCM	13.0	32.2	12.0	57.25	4.75	6.00	10.75	11.00	
59	S22.00077	Nguyễn Quốc	Thái	10/01/82		UBND phường 3, quận 3	7.00	24.5	13.0	44.50	4.75	7.50	12.25	12.50	
60	S22.00079	Đinh Thị Thanh	Thảo	29/11/75	Nữ	TAND quận Bình Thạnh	6.00	37.7	16.0	59.75	5.25	7.00	12.25	12.50	
61	S22.00080	Hồ Cao Phương	Thảo	20/01/75	Nữ	TSTD	7.00	21.2	14.0	42.25	4.00	6.00	10.00	10.00	
62	S22.00082	Lê Thị Minh	Thảo	19/09/76	Nữ	TAND quận Bình Thạnh	5.00	24.5	14.0	43.50	4.50	6.50	11.00	11.00	
63	S22.00083	Lý Ngọc Phương	Thảo	11/04/84	Nữ	TSTD	.	.	.	0.00	7.75	6.50	14.25	14.50	
64	S22.00084	Phan Thị Phương	Thảo	24/04/84	Nữ	UBND xã Tân Quý Tây, HCM	5.00	31.5	14.0	50.50	4.50	8.00	12.50	12.50	
65	S22.00085	Phạm Mai	Thảo	18/06/83	Nữ	TSTD	5.00	26.2	14.0	45.25	7.00	7.00	14.00	14.00	
66	S22.00087	Nhâm Đức Hưng	Thịnh	28/02/92		TSTD	6.00	19.7	9.00	34.75	3.75	6.00	9.75	10.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ				TH	CN	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
							Nghe	Đ+V	Nói	Tổng					
67	S22.00088	Lê Thị Hồng	Thơm	28/05/82	Nữ	CT TNHH tư vấn đầu tư APT	5.00	13.5	10.0	28.50	4.75	7.00	11.75	12.00	
68	S22.00089	Phan Minh	Thuận	04/05/86		Văn phòng huyện uỷ Bình Chánh	5.00	26.2	14.0	45.25	5.00	6.00	11.00	11.00	
69	S22.00090	Nguyễn Thượng	Thuật	10/02/60		CT Luật TNHH Thái Bình Dương	7.00	15.0	9.00	31.00	5.75	7.00	12.75	13.00	
70	S22.00092	Phạm Mạnh	Tiếp	15/01/87		TSTD	7.00	14.5	5.00	26.50	5.25	7.00	12.25	12.50	
71	S22.00095	Nguyễn Hà Vĩnh	Trường	16/02/75		UBND phường 13, quận Bình Thạnh	11.0	21.5	10.0	42.50	6.25	6.00	12.25	12.50	
72	S22.00097	Nguyễn Quốc	Tuân	13/09/84		CTCP tư vấn xây dựng điện 3	9.00	18.0	7.00	34.00	3.75	7.00	10.75	11.00	
73	S22.00100	Đinh Bá	Văn	02/03/79		Cảnh sát phòng cháy chữa cháy TPHCM	4.00	24.0	11.0	39.00	4.75	7.50	12.25	12.50	
74	S22.00101	Đoàn Sinh	Viên	19/09/86		VP công chứng Sở Sao	4.00	16.7	9.00	29.75	5.50	7.00	12.50	12.50	
75	S22.00102	Trần Ngọc	Vinh	26/07/72		CT TNHH địa ốc Bình Thạnh	5.00	26.5	12.0	43.50	4.00	5.50	9.50	9.50	
76	S22.00105	Trần Kim	Yến	03/08/69	Nữ	Ban Dân vận thành uỷ TPHCM	5.00	23.7	15.0	43.75	7.00	7.00	14.00	14.00	

CỘNG TRƯỞNG S22 : 76 THÍ SINH

TRUNG TÂM TIN HỌC

KHOA SAU ĐẠI HỌC

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Phạm Văn Hải

Nguyễn Văn Quyết

Nguyễn Phụng Lan

